

Đơn vị: Ban Quản lý các KCNC và KCN TP Hà Nội

Chương: 505

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Số đã thực hiện đến hết Quý II/2025	Ước thực hiện quý III/2025	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí	1.030	527,3	322,5	31,31	
1.1	Lệ phí	43	1,1	2,2	5,12	
	Lệ phí thủ tục hành chính cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc	12		1,60		
	Lệ Phí Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài. Tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	31	1,10	0,60		
1.2	Phí	987	526,2	320,3	32,45	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	150	36,7			
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn)	87	92,5	214,80		

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Số đã thực hiện đến hết Quý II/2025	Ước thực hiện quý III/2025	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Phí thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng			79,60		
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	200	287,7	5,40		
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		10,1			
	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường			20,50		
	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường	550	99,3			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường					
2	Chi quản lý hành chính	100				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	100				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	930	331,4	54,9	5,9	
3.1	Lệ phí	43	1,1	2,2	5,1	
	Lệ phí thủ tục hành chính cấp mới và cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong Khu CNC Hòa Lạc	12		1,6		

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Số đã thực hiện đến hết Quý II/2025	Ước thực hiện quý III/2025	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Lệ Phí Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài. Tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	31	1,1	0,6		
3.2	Phí	887	330,3	52,7	5,9	
	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	150	25,1			
	Phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy trình rút gọn)	87	62,1	21,5		
	Phí thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng			8,0		
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	100	133,8	2,7		
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		10,1			
	Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường			20,5		
	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường	550	99,3			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	171.825	43.170,2	28.046,3	16,3	
1	Chi quản lý hành chính	79.775	34.309,7	16.981,0	21,3	

Số TT	Nội dung	Được giao năm 2025	Số đã thực hiện đến hết Quý II/2025	Ước thực hiện quý III/2025	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (Số dự toán giao bao gồm cả số dư đầu năm chuyển sang)	24.324	9.979,0	5.496,0	22,6	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	55.451	24.330,7	11.485,0	20,7	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	5.647	2.039,0	1.516,0	26,8	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	3.561	1.744,0	1.259,0	35,4	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.086	295,0	257,0	12,3	
3	Chi hoạt động kinh tế	86.403	6.821,5	9.549,3	11,1	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.668	927,0	1.706,0	63,9	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	83.735	5.894,5	7.843,3	9,4	

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2025

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hoài Nam